

Số: 08/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 21 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Anh Kiên Tiều P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 10 năm 2022 .

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Kiên Tiều P.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Trịnh Thị N và anh Kiên Tiều P tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con tên:* Kiên Thanh V, sinh ngày 22/6/2012 (*có nguyện vọng sống với cha*) và Kiên Thanh D, sinh ngày 04/11/2013 (*có nguyện vọng sống với mẹ*). Chị N và anh P thoả thuận về quyền nuôi con như sau:

+ Anh Kiên Tiều P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kiên Thanh V, sinh ngày 22/6/2012, khi ly hôn.

+ Chị Trịnh Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kiên Thanh D, sinh ngày 04/11/2013, khi ly hôn.

+ Anh Kiên Tiều P, chị Trịnh Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên hòa giải Tòa án đã giải thích các Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị N và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị N và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả:* Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Trịnh Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị N nộp theo biên lai số 0010978 ngày 23 tháng 9 năm 2022 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho chị Trịnh Thị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã Ký)**

**Trần Ngọc Hùng Anh**